

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

**QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**  
**(2001-2020)**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**Hà Nội - 2022**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Thành Nam

*(ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị)*

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng

Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXHVN

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn An Hà

Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXHVN

Phản biện: PGS.TS. Phạm Minh Sơn

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn vào hồi 13 giờ 30 ngày 29 tháng 12 năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trên thế giới, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế giữa các quốc gia đã và đang diễn ra sâu rộng với tốc độ chưa từng có, khoa học – công nghệ tiến bộ vượt bậc làm thay đổi nền giáo dục mỗi quốc gia nói riêng và các mối quan hệ quốc tế nói chung. Bước sang thế kỷ XXI, giáo dục đại học đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cao hơn và phức tạp hơn. Hội nghị thế giới về giáo dục đại học năm 2009 do UNESCO tổ chức tại Paris đã nhận định rằng giáo dục đại học đang chuyển động dưới tác động của những động lực mới. Đó là: Sự gia tăng nhu cầu nhập học, việc đa dạng hoá các loại trường và nguồn cung ứng, hợp tác giữa các nhà trường và liên kết mạng lưới, nhu cầu học tập suốt đời, tác động của công nghệ thông tin và truyền thông, trách nhiệm xã hội của các trường đại học, sự thay đổi trong vai trò của Chính phủ. Về cơ bản các động lực trên là biểu hiện cụ thể của một thế giới toàn cầu hoá trong giáo dục đại học. Theo cách nói của T. Friedman, đó là một thế giới phẳng trong đó các rào cản về địa lý, kinh tế và chính trị đang dần được dỡ bỏ. Thế giới phẳng này cũng đang làm “phẳng hoá” giáo dục nghĩa là tạo ra một sân chơi giáo dục bằng phẳng, nơi các cá nhân đều có thể học hỏi, trau dồi kiến thức, phát triển kỹ năng, và mọi quốc gia, tổ chức đều có thể tham gia cung ứng giáo dục, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh bình đẳng. Trong xu hướng đó, quốc tế hóa giáo dục đại học đã và đang dần trở thành một xu thế lớn, được nhiều hệ thống giáo dục đại học chọn lựa và coi như một điều kiện thuận lợi để phát triển, hội nhập với tri thức toàn cầu, trở thành một trong những chìa khóa, công cụ hữu hiệu cho hội nhập và phát triển, thúc đẩy mối quan hệ ngoại giao mang tính chất bền vững giữa các quốc gia.

Song song với đó, trong khu vực, Cộng đồng kinh tế ASEAN chính thức ra đời với một trong những đặc trưng chung là thừa nhận lẫn nhau về văn bằng của người lao động, đã đặt một cột mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực. Bên cạnh những cơ hội lớn, việc hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Trong khi vốn, trình độ, công nghệ kỹ thuật, nguồn lực đội ngũ, danh tiếng của các trường đại học không giống nhau thì yêu cầu về chất lượng giáo dục phải tương đồng trên bình diện khu vực. Mỗi quan tâm chính là làm thế nào để hệ thống giáo dục Việt Nam có thể tự điều chỉnh, nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc tế để có thể tồn tại, đối phó với những thách thức và cạnh tranh với các cơ sở giáo dục khác trong khu vực.

Tại Việt Nam, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình, thuận lợi để phát triển đất nước, Việt Nam đang ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học. Trong xu hướng phát triển chung của thế giới và xuất phát từ nhu cầu lớn về nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc thúc đẩy hoạt động quốc tế hóa, hội nhập trong giáo dục một mặt trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là “chìa khóa”, động lực đưa giáo dục đại học Việt Nam phát triển, nhanh tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Mặt khác, quốc tế hóa cũng là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày một khắt khe về thị trường lao động chất lượng cao và là một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá chất lượng, đẳng cấp và thương hiệu của một cơ sở đào tạo. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu, nhưng không thể phủ nhận rằng sức cạnh tranh quốc tế của nền giáo dục của Việt Nam hiện nay còn yếu kém so với các quốc gia trên thế giới. Trước những thách thức to lớn do quá trình toàn cầu hóa, nền kinh tế tri thức và những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ở trong nước, vấn đề đặt ra cho Việt Nam là không ngừng chuyển đổi bên trong của cả hệ thống giáo dục đại học theo hướng toàn cầu

hóa về mọi mặt, để có thể “trụ” được trong cơ chế mở cửa Mậu dịch tự do, đồng thời phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Đó là một thách thức rất lớn, nhưng cũng chính là cơ hội buộc các cơ sở giáo dục trong nước, mà trước hết là các trường đại học, các học viện, các trường giáo dục chuyên nghiệp phải nỗ lực thúc đẩy các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nâng cao vị thế của đơn vị, sớm tạo lập được thương hiệu riêng qua năng lực cạnh tranh quốc tế.

Bên cạnh đó, hiện học viên đang công tác về lĩnh vực hợp tác quốc tế tại một trường Đại học thuộc khu vực Trung du miền núi phía Bắc. Thực tiễn công tác còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế trong việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục. Học viên rất mong muốn được nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề để tìm ra các giải pháp góp phần phát triển các hoạt động quốc tế hóa của đơn vị nói riêng, đóng góp vào sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam nói chung.

Với những lý do trên, tác giả cho rằng đề tài “Quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam (2001 - 2020)” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết. Việc tìm hiểu bản chất, đánh giá đúng thực trạng của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam (2001 – 2020) sẽ giúp cho Việt Nam có những sự chủ động, xây dựng chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, lộ trình và kế hoạch hành động cho quá trình quốc tế hóa để có thể đáp ứng một cách năng động hơn, hiệu quả hơn, trực tiếp hơn những nhu cầu của sự phát triển đất nước.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận án là nghiên cứu thực tiễn triển khai các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam (đặc biệt là quốc tế hoá trong nước) trong giai đoạn 2001 – 2020.

## **3. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu của Luận án là:

- Làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam.
- Phân tích những chính sách và thực trạng triển khai các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam giai đoạn 2001 - 2020.
- Đánh giá và khuyến nghị thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam.

## **4. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam (2001- 2020)

## **5. Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: từ năm 2001 đến năm 2020. Năm 2001 là thời điểm bắt đầu của thế kỷ 21, là thời điểm Chính phủ Việt Nam phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010”, trong đó có giáo dục đại học, năm 2020 là thời điểm kết thúc luận án.

- Về không gian: nghiên cứu các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học trong nước (hay quốc tế hóa tại nhà).

- Về nội dung: phân tích thực tiễn triển khai các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học của Việt Nam chủ yếu trên cấp độ quốc gia, tập trung các khía cạnh: hoạt động hợp tác quốc tế, hoạt động dịch chuyển và trao đổi sinh viên, quốc tế hoá chương trình và giảng dạy, hợp tác giáo dục xuyên quốc gia, phát triển các trường đại học xuất sắc, hoạt động quốc tế hoá nghiên cứu.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế: Tập trung chủ yếu vào cấp độ của QHQT là cấp độ quốc tế - khu vực và cấp độ quốc gia để phân tích các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam trên bình diện song phương và đa phương.

Vận dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Luận án cũng sử dụng cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Kiến tạo, Chủ nghĩa Tự do để phân tích các hoạt động trao đổi giáo dục, vai trò, tác động của nó đối với ngoại giao và quan hệ đối ngoại của quốc gia ở nhiều khía cạnh khác nhau, lý giải cho xu hướng tăng cường hợp tác, thúc đẩy các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng.

- Phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic: Vận dụng những quan điểm lịch sử, kế thừa và vận dụng trường hợp nghiên cứu về quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam. Nghiên cứu quá thực tiễn triển khai các hoạt động hợp quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam đặt trong bối cảnh lịch sử từ năm 2001 đến năm 2020.

- Phương pháp thống kê và so sánh: luận án đã sử dụng phương pháp này để tổng hợp và phân tích các dữ liệu cụ thể như số lượng dịch chuyển quốc tế của người học, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, chương trình tiên tiến,...

- Phương pháp nghiên cứu hệ thống: hệ thống các quan điểm, các khái niệm trong nhận định tình hình thế giới, khu vực và trong nước, hệ thống các chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc tế hoá giáo dục đại học.

## **7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

- Về khoa học: Nghiên cứu này làm phong phú thêm các tài liệu hiện có trong lĩnh vực quốc tế hóa thông qua việc cung cấp những hiểu biết sâu sắc về quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học đã phát triển như thế nào tại một nước đang phát triển như Việt Nam. Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu về quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2001-2020. Luận án góp phần làm rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai, mang lại cái nhìn cụ thể về bản chất, đặc trưng, vai trò, cơ hội và thách thức, thực trạng triển khai các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam. Luận án góp phần đánh giá đúng vai trò của việc quốc tế hóa và thực tiễn triển khai tại Việt Nam, từ đó xác định rõ những thời cơ, cũng như thách thức, giúp cho giáo dục đại học Việt Nam có những ưu tiên phát triển phù hợp nhất. Trên cơ sở khoa học, luận án đưa ra dự báo quốc tế hóa giáo dục đại học chắc chắn sẽ là xu thế phát triển tất yếu trong thời gian tới, mà các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cần tận dụng thời cơ, nắm bắt cơ hội để có thể hội nhập và tăng khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

- Về thực tiễn: Đóng góp quan trọng nhất về mặt thực tiễn của Luận án là trở thành nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho những nhà nghiên cứu về hợp tác quốc tế giáo dục, quốc tế hóa giáo dục đại học, phục vụ cho công tác giảng dạy một số học phần thuộc chuyên ngành quan hệ quốc tế. Và hơn hết, qua Luận án, tác giả cũng mong muốn góp phần tìm ra các giải pháp nhằm thực thi một cách có hiệu quả tại đơn vị nói riêng và của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam nói chung nhằm thúc đẩy quá trình quốc tế hóa một cách hiệu quả và góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

## **8. Bố cục của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phục lục, luận án được chia thành bốn chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam (2001-2020)

Chương 3: Thực trạng triển khai các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2020

Chương 4: Đánh giá và khuyến nghị thúc đẩy quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Xuất hiện từ những năm 1980 đến nay, quốc tế hóa giáo dục đại học là một hiện tượng ngày càng trở nên quan trọng, nhận được rất nhiều sự quan tâm không chỉ đối với cộng đồng giáo dục đại học trên toàn cầu mà còn đối với mỗi quốc gia dân tộc. Đó là một quá trình có chủ đích được các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, các cơ sở giáo dục đại học, các quốc gia không ngừng thúc đẩy nghiên cứu. Tác động của nó vượt ra ngoài phạm vi của giáo dục đại học đơn thuần, có ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị và ngoại giao. Từ đó đến nay, quốc tế hóa giáo dục đại học nói chung và quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam nói riêng trở thành chủ đề của nhiều cuộc tranh luận, nhiều công trình nghiên cứu với các trọng tâm và chủ đề khác nhau, từ lý luận đến thực tiễn, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

#### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu về xu hướng quốc tế hoá giáo dục**

Quốc tế hóa giáo dục đại học trở thành thuật ngữ phổ biến rộng rãi trên thế giới, thu hút sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà nghiên cứu giáo dục. Đáng chú ý là Philip G. Altbach, Hans de Wit, Jane Knight, Wende... với nhiều tài liệu có giá trị. Những nghiên cứu về xu hướng quốc tế hoá giáo dục trên thế giới đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về khái niệm, xu hướng, lý do, cách thức, quá trình phát triển, mối liên hệ giữa các cơ sở giáo dục đại học cũng như những thách thức đặt ra đối với quốc tế hoá giáo dục đại học trên toàn thế giới, từ các quốc gia phát triển đến các quốc gia đang phát triển. Quốc tế hoá giáo dục đại học là xu hướng phát triển tất yếu đối với tất cả các quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và trong một thế giới đang ngày càng phẳng hoá như ngày nay. Với rất nhiều những lợi ích về giáo dục, văn hoá, kinh tế và chính trị, quốc tế hoá giáo dục đại học đã và đang thu hút sự quan tâm từ tất cả các quốc gia phát triển và đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

#### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu về vai trò của giáo dục trong quan hệ quốc tế**

Các nguồn tài liệu liên quan đến các hoạt động trao đổi giáo dục đại học và vai trò của giáo dục trong ngoại giao cũng được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới. Có thể thấy rằng, cho dù là đối với quốc gia nhỏ hay quốc gia lớn trên trường quốc tế, các hoạt động giao lưu, trao đổi giáo dục đều đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh tích cực của quốc gia bên cạnh các giá trị văn hóa và lịch sử đến với bạn bè quốc tế.

Các tác giả đã phân tích các hoạt động trao đổi giáo dục, vai trò, tác động đối với ngoại giao và quan hệ đối ngoại của quốc gia ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trên thực tế, trao đổi giáo dục đại học được chú trọng ở nhiều quốc gia nhằm quảng bá những hình ảnh tích cực về quốc gia đối với bạn bè quốc tế, tăng cường quan hệ ngoại giao, thúc đẩy việc triển khai chính sách đối ngoại tại các quốc gia mục tiêu. Do đó, nhiều nghiên cứu khuyến nghị rằng các nhà hoạch định chính sách nên đầu tư thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong giáo dục, để có thể đạt được những lợi ích to lớn không chỉ đối với kinh tế, văn hóa, xã hội và còn đối với các lợi ích chính trị của quốc gia.

#### **1.1.3. Các công trình nghiên cứu về quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học của Việt Nam**

Tại Việt Nam đã có rất nhiều sách, báo, bài phát biểu, công trình nghiên cứu, hội nghị, hội thảo bàn về Giáo Dục trong bối cảnh Hội nhập quốc tế, trong đó có một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam.

Những nghiên cứu đã đưa ra một góc khá đa dạng về các khía cạnh của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam và các quốc gia lân cận, rút ra tính đặc biệt, đa dạng và phức tạp giữa

chính sách và thực tiễn thực hiện quá trình này tại Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, quốc tế hóa giáo dục đại học đang là một xu hướng phát triển tất yếu và hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam không nằm ngoài xu hướng đó.

## **1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài**

### **1.2.1. Những vấn đề khoa học đã được giải quyết**

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu chung về xu hướng quốc tế hoá giáo dục đại học trên thế giới đã cung cấp khung lý thuyết đa chiều, toàn diện về nội hàm khái niệm quốc tế hóa giáo dục đại học, cũng như các cách tiếp cận, các nhóm nguyên nhân, chương trình hành động cụ thể. Những kết quả nghiên cứu này sẽ được luận án kế thừa và vận dụng vào việc xem xét xu hướng, bối cảnh thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam đặc biệt trong những năm đầu thế kỷ 21.

Thứ hai, những nghiên cứu về vai trò, tác động của quốc tế hoá giáo dục đại học đối với ngoại giao và quan hệ đối ngoại của quốc gia cũng được xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau. Những quan điểm, đánh giá khách quan và đa chiều đó là nguồn tài liệu tham khảo quý giá cung cấp thêm luận cứ thực tiễn cho luận án, để có thể vận dụng trong nghiên cứu về trường hợp Việt Nam.

Thứ ba, những nghiên cứu trực tiếp về quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam đã khẳng định các chiến lược và chính sách quốc tế hóa đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của giáo dục đại học Việt Nam.

Thứ tư, một điểm đáng chú ý của các tài liệu trên thế giới về quốc tế hóa giáo dục đại học là những đóng góp, tranh luận về học thuật có xu hướng bị ảnh hưởng bởi vị trí địa lý và hoàn cảnh, đặc điểm của từng khu vực, địa phương khác nhau. Trên cơ sở đó, luận án lựa chọn cách thức tiếp cận phù hợp với điều kiện, bối cảnh của Việt Nam để từ đó có thể vận dụng sáng tạo, đưa ra những giải pháp phù hợp thúc đẩy quá trình này.

### **1.2.2. Những vấn đề mới liên quan đến luận án sẽ được tập trung giải quyết**

Thứ nhất, luận án sẽ tập trung làm rõ những khái niệm và lý thuyết về quốc tế hoá giáo dục đại học có thể áp dụng đối với Việt Nam, phân tích những bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến quá trình này, phân tích những khía cạnh cụ thể từ đó đưa ra bức tranh tổng thể về quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học của Việt Nam.

Thứ hai, Luận án mong muốn thông qua góc độ quan hệ quốc tế để xem xét những khía cạnh mới của quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam, để quốc tế hóa có thể trở thành một thành tố quan trọng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước mà còn thúc đẩy quá trình hội nhập, và tăng cường hiểu biết của bạn bè quốc tế về Việt Nam, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Thứ ba, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam từ năm 2001 đến 2020.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUÁ TRÌNH QUỐC TẾ HOÁ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM (2001-2020)**

### **2.1. Cơ sở lý luận**

#### **2.1.1. Khung khái niệm liên quan đến quốc tế hóa giáo dục đại học**

##### *a. Giáo dục*

Giáo dục là một quá trình liên tục nâng cao kiến thức, kỹ năng. Đồng thời, giáo dục cũng là một phương tiện đặc biệt, đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển của mỗi cá nhân, góp phần xây dựng mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức và giữa các quốc gia. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, vai trò



của giáo dục ngày càng đóng vị trí tích cực trong việc kiến lập và nâng cao sức mạnh cạnh tranh của mỗi quốc gia, trở thành một lợi thế so sánh có giá trị ngày càng cao, một sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế.

#### *b. Giáo dục đại học*

Giáo dục đại học là một trong những nền tảng giáo dục ở mức độ cao. Sứ mệnh của giáo dục đại học là góp phần vào yêu cầu phát triển bền vững và phát triển xã hội nói chung. Giáo dục đại học ngày nay không chỉ có chức năng cung cấp kiến thức, đào tạo tầng lớp trí thức đơn thuần, mà nó còn mở rộng phạm vi, sứ mệnh sang nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngày nay, giáo dục đại học còn được coi như một thứ hàng hóa có thể trao đổi tự do trên thị trường toàn cầu. Có một sự thừa nhận ngày càng tăng rằng, các cơ sở giáo dục đại học ngày nay đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với bối cảnh quốc tế.

#### *c. Toàn cầu hóa*

Theo Knight, toàn cầu hóa có thể định nghĩa là dòng chảy văn hóa, con người, ý tưởng, giá trị, tri thức, công nghệ và kinh tế xuyên biên giới dẫn đến một thế giới liên kết và phụ thuộc lẫn nhau hơn.

Trong lĩnh vực giáo dục, toàn cầu hóa có thể được hiểu là các lực lượng kinh tế, chính trị và xã hội thúc đẩy giáo dục đại học thế kỷ 21 hướng tới những tham gia quốc tế nhiều hơn.

Toàn cầu hóa đã trở thành một khái niệm phổ biến, một xu thế tất yếu chi phối nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Đó là quá trình tạo nên một thế giới thống nhất, loại bỏ những sự khác biệt giữa các hệ thống giáo dục trên thế giới và tăng cường sự thích ứng của các hệ thống giáo dục khác nhau đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế toàn cầu. Và do đó, nó có tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển cũng như vai trò của giáo dục đại học.

#### *d. Hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế*

Hợp tác quốc tế: Trong lĩnh vực giáo dục đại học, hợp tác quốc tế là kênh mà qua đó một quốc gia, tổ chức giữ kết nối với các mô hình kinh tế - xã hội khác và với các xu hướng chính đang diễn ra trên các lĩnh vực khoa học, đào tạo và tri thức. Sự phát triển ngày càng tăng của các cơ chế hợp tác đồng nghĩa với những cơ hội mới và những vấn đề mới.

Hội nhập quốc tế là quá trình kết hợp các quốc gia riêng rẽ vào một trạng thái của chính thể mới trên cơ sở đảm bảo lợi ích cơ bản của quốc gia. Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế vượt lên trên sự hợp tác quốc tế thông thường: nó đòi hỏi sự chia sẻ và tính kỷ luật cao của các chủ thể tham gia. Hội nhập quốc tế về giáo dục là hiện đại hoá nền giáo dục của quốc gia mình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

#### *e. Quốc tế hóa giáo dục đại học*

Trên thực tế, có rất nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau về quốc tế hóa giáo dục đại học. Điều không thể phủ nhận đó là quốc tế hóa giáo dục đại học hiện nay cần được xem xét cả ở cấp độ quốc gia và thể chế. Tựu chung lại, có thể hiểu *quốc tế hóa là thuật ngữ để chỉ khía cạnh quốc tế của giáo dục đại học. Quốc tế hóa giáo dục đại học được coi là quá trình mà ở đó, khía cạnh quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu được tích hợp vào mục đích, chức năng và việc cung cấp giáo dục đại học ở cấp độ thể chế và quốc gia.*

Quốc tế hóa giáo dục đại học có thể bao gồm những hoạt động cơ bản sau: (1) Hoạt động hợp tác quốc tế. (2) Hoạt động dịch chuyển, trao đổi sinh viên, giảng viên. Đây được coi là nền tảng của quá trình quốc tế hóa từ trước đến nay. (3) Hoạt động quốc tế hóa chương trình và giảng dạy. (4) Hoạt động hợp tác giáo dục xuyên quốc gia/ các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Nó bao gồm một số

hình thức như xây dựng các chi nhánh, các cơ sở tại nước ngoài, hoặc các chương trình liên kết đào tạo. (5) Phát triển các trường đại học xuất sắc. (6) Hoạt động quốc tế hóa nghiên cứu.

### **2.1.2. Chủ nghĩa Mac – Lenin**

Chủ nghĩa Mac – Lenin lý giải mối quan hệ biện chứng, thúc đẩy lẫn nhau và tạo điều kiện cho nhau giữa xã hội, nền sản xuất và con người. C.Mac, Ph. Angghen và Lê nin đều đánh giá cao vai trò quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội nói chung và đối với mỗi quốc gia, dân tộc nói riêng. Giáo dục được coi là một công cụ quan trọng, phục vụ cho những mục đích chính trị nhất định: về giáo dục, chế độ khác thì giáo dục cũng khác

### **2.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh là kho tàng những giá trị nhân văn cao cả, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam mà còn có ý nghĩa thiết thực trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ cho quá trình đổi mới và hội nhập hiện nay. Đó là một nền giáo dục vừa phải không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa, kỹ thuật tiên tiến của nhân loại vừa phải xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

### **2.1.4. Chủ nghĩa tự do**

Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh đến yếu tố hợp tác trong quan hệ quốc tế. Không một quốc gia nào có thể bảo vệ chủ quyền của mình dựa vào chính sách cô lập. Các quốc gia cần phải tăng cường các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau một cách linh hoạt trên nhiều khía cạnh trên cơ sở giữ vững độc lập và chủ quyền. Việt Nam nói riêng và các quốc gia trên thế giới luôn chủ động và mong muốn thúc đẩy hợp tác, tương tác lẫn nhau với các quốc gia trên mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học. Các hoạt động tương tác quốc tế về giáo dục đại học trên cơ sở chia sẻ lợi ích chung đó đã không ngừng được mở rộng, hỗ trợ cho nhau đã góp phần thúc đẩy sự hiểu biết về văn hóa, xã hội, thúc đẩy giao lưu nhân dân. Từ đó, thúc đẩy các hoạt động hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, ngoại giao giữa các quốc gia trên thế giới.

### **2.1.5. Chủ nghĩa kiến tạo**

Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh tầm quan trọng của các ý nghĩa liên quan trong quan hệ quốc tế. Những người theo Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng lợi ích là tự phát sinh trong mỗi chủ thể trong quá trình tương tác, xuất phát từ các đặc tính có được thông qua quá trình học hỏi và tiến trình giao tiếp khác, đồng thời phản ánh kinh nghiệm và vai trò quyền lực của chủ thể đó.

Trao đổi giáo dục thúc đẩy sự tham gia thực sự từ cá nhân đến tổ chức và cả cộng đồng. Giáo dục quốc tế là tạo ra các mối quan hệ và đối tác lâu dài, là cơ sở tốt để xây dựng và thực hiện các chính sách đối ngoại. Một cách chính thức hay gián tiếp, những kiến thức chuyên ngành cũng như kiến thức về văn hóa, lịch sử, chính trị của một quốc gia, thông qua nhiều hình thức khác nhau của quá trình quốc tế hóa, chủ thể tiếp nhận từ các quốc gia khác trên thế giới sẽ có thêm những hiểu biết thực tế sinh động. Dựa theo các quan điểm của chủ nghĩa kiến tạo, nếu đối tượng tiếp nhận quốc tế có những hiểu biết tích cực về quốc gia khác, thì quốc gia đó sẽ có những lợi ích nhất định trong các cuộc đàm phán chính sách với nhau.

## **2.2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

#### *a. Bối cảnh toàn cầu*

Bước sang thế kỷ 21, giáo dục đại học đã có những bước phát triển liên tục và mạnh mẽ, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng toàn cầu hóa, khu vực hóa, sự phát triển của nền kinh tế tri thức là những nhân tố bên ngoài tác động đến quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Xu hướng toàn cầu hóa đã và đang thúc đẩy giáo dục đại học của mỗi quốc gia đổi mới không ngừng, đặc biệt là sự hội nhập quốc tế để cập nhật nhanh chóng những tri thức mới.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng

- Xu thế quốc tế hóa giáo dục đại học gia tăng

- Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chính của thời đại, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều nguy cơ xảy ra các xung đột

- Toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến nền giáo dục các quốc gia trên thế giới

- Thách thức của hiện tượng chảy máu chất xám

- Nền kinh tế tri thức phát triển và ngày càng chiếm thế chủ đạo

- Sự nổi lên của nhiều vấn đề toàn cầu, đặc biệt là đại dịch Covid-19

Bối cảnh quốc tế hiện nay đã tạo ra cho quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học của Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức đan xen nhau.

#### *b. Bối cảnh khu vực*

Tại khu vực Đông Nam Á, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển trở thành mục tiêu chung của các quốc gia trong khu vực. Trong đó, Giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong xây dựng Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN, hướng tới mục tiêu “một cộng đồng ASEAN lấy con người là trung tâm, có trách nhiệm với xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất lâu bền giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN. Đây chính là điều kiện thuận lợi nhưng đồng thời cũng là thách thức đối với Việt Nam trong quá trình tăng cường giao lưu, hợp tác và đẩy mạnh các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học.

### **2.2.2. Bối cảnh trong nước**

Trước năm 2001, Giáo dục đại học Việt Nam đã chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố quốc tế trong từng thời kỳ phát triển khác nhau. Tuy nhiên, quan điểm đề cao giáo dục, xác định tri thức là không biên giới, chấp nhận các tư tưởng nước ngoài và tìm cách thích ứng với các giá trị truyền thống của Việt Nam là những tiền đề quan trọng cho quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học của Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ 21.

Thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, từng bước phát triển nền kinh tế tri thức, nguồn lực con người Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Trước ngưỡng cửa bước sang thế kỷ 21, trong giai đoạn đổi mới và hội nhập sâu rộng, nền giáo dục của Việt Nam sau khi đổi mới còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Chất lượng giáo dục nói chung còn thấp một mặt chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, mặt khác chưa đáp ứng được nhu cầu của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần nắm bắt xu hướng quốc tế hóa giáo dục đại học, có cách tiếp cận chủ động và đa chiều để có thể tận dụng tối đa những lợi thế mà quá trình này mang lại cho sự phát triển của đất nước, đồng thời không ngừng củng cố các mối quan hệ quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường thế giới.

### **2.3. Lý do thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam**

Đối với nghiên cứu này, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, phân tích chính sách, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một số động lực lựa chọn phù hợp với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển gồm có 04 nhóm lý do chính:

Thứ nhất, lý do về kinh tế, một trong những mục tiêu quan trọng nhất của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học trong nước là tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ kỹ thuật tiên tiến góp phần nâng cao năng lực quốc gia và cạnh tranh quốc tế. Quốc tế hóa giáo dục đại học được xem là nền tảng thu hẹp khoảng cách chất lượng nhân lực, góp phần nâng cao chất lượng và trải nghiệm học tập toàn cầu, giúp thúc đẩy quá trình hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, từ đó mang lại tiềm năng nghề nghiệp cho sinh viên, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thứ hai, lý do về học thuật, mục tiêu quan trọng để thúc đẩy quá trình này là nhằm đạt được các tiêu chuẩn học thuật quốc tế phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy trong nước và do đó, sẽ góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

Thứ ba, lý do về văn hóa, xã hội, Quốc tế hóa được coi như một cách Việt Nam tôn trọng sự đa dạng văn hóa, song song với quá trình bảo tồn, phát huy văn hóa của dân tộc, cân bằng sự tác động của quá trình toàn cầu hóa. Căn cứ vào nhu cầu ngày càng tăng về việc tăng cường sự hiểu biết và giao tiếp với các nền văn hóa khác nhau, nhu cầu trang bị cho sinh viên những nền tảng kiến thức và kỹ năng liên văn hóa vững vàng là một trong những động lực mạnh mẽ để thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tại Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020.

Thứ tư, lý do về chính trị, ngoại giao. Giáo dục được coi là một kênh giao lưu văn hóa hết sức hiệu quả, giúp nhân dân các quốc gia trên thế giới hiểu biết về Việt Nam, gia tăng sự tin tưởng lẫn nhau. Thông qua các hoạt động hợp tác, trao đổi giáo dục, Việt Nam mong muốn thể hiện được bản sắc và đặc trưng văn hóa riêng của quốc gia.

## **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2020**

### **3.1. Chủ trương, chính sách của Việt Nam về quốc tế hóa giáo dục đại học giai đoạn 2001 – 2020**

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, quy định pháp luật theo hướng cởi mở, giao tiếp và hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho thúc đẩy hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, bao gồm: Luật giáo dục năm 2005, Luật giáo dục sửa đổi năm 2009, Luật giáo dục đại học năm 2012 và Luật giáo dục năm 2019. Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ Tiến sĩ cho các Trường Đại học, Cao đẳng giai đoạn 2010-2020” với mục tiêu đến năm 2020, đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ, trong đó khoảng 10.000 tiến sĩ ở nước ngoài tại các Trường Đại học có uy tín trên thế giới; Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010; Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020; Nghị quyết 29-NQ-TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo của Bộ Chính trị; Đề án đổi mới giáo dục Đại học Việt Nam 2006 – 2010; Nghị quyết 14/2005 / NQ-CP của Chính phủ - “Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020” (Bộ GD & ĐT, 2005),... Tuy khái niệm Quốc tế hóa giáo dục đại học không được nêu cụ thể trong các văn bản chính sách, song quan điểm lãnh đạo toàn diện của Đảng và Nhà nước về quốc tế hóa giáo dục đại học được thể hiện rất rõ ràng, chi tiết.

## **3.2. Thực tiễn triển khai các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020**

### **3.2.1. Hoạt động hợp tác quốc tế**

#### *3.2.1.1. Hoạt động hợp tác trên bình diện đa phương và khu vực*

Trên bình diện đa phương và khu vực, trong 20 năm qua, Việt Nam đã rất chủ động hội nhập giáo dục, tiếp nhận tri thức xuyên biên giới và được đánh giá là một thành viên rất tích cực. Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, WTO... Những chương trình này đã và đang góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ.

#### *3.2.1.2. Hoạt động hợp tác trên bình diện song phương*

Hợp tác quốc tế song phương trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Việt Nam thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, giúp nâng cao hiệu quả về hợp tác quốc tế và vị thế của Việt Nam trên thế giới.

Rất nhiều đối tác giáo dục quan trọng của Việt Nam có thể kể đến như: Liên bang Nga, Anh, Pháp, Mỹ, Australia, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, EU... đã trở thành những cầu nối quan trọng trong việc chuyển giao tri thức và giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với các quốc gia trong suốt thời gian qua.

#### *3.2.1.3. Hoạt động hợp tác giữa các địa phương*

Trên cơ sở các chính sách cải cách, mở cửa, đa phương, đa dạng hoá các hoạt động đối ngoại, các Hiệp định hợp tác song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các quốc gia được ký kết, bước sang thế kỷ 21, các địa phương của Việt Nam đã tích cực thiết lập quan hệ, triển khai giao lưu, hợp tác toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực trong đó có giáo dục đại học với các địa phương thuộc các quốc gia khác nhau trên thế giới, đặc biệt các tỉnh biên giới của Việt Nam.

Rất nhiều hình thức được triển khai, trong đó, tập trung vào chương trình cung cấp học bổng trao đổi; ký kết hợp tác giáo dục giữa các trường đại học của các bên; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa ngắn hạn đã được các địa phương triển khai có hiệu quả.

### **3.2.2. Hoạt động dịch chuyển, trao đổi sinh viên**

- Sự dịch chuyển của giảng viên, sinh viên Việt Nam ra nước ngoài: Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương đẩy mạnh hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo, quốc tế hóa giáo dục đại học, cùng với việc mở rộng quan hệ ngoại giao với rất nhiều quốc gia trên thế giới của Việt Nam, nhiều học sinh, sinh viên đi học tập ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí khác nhau. Số lượng năm 2020 ước tính tăng gấp 19 lần so với những năm 2000. Những con số này cũng dự báo cho một xu hướng tiếp tục tăng của một lượng lớn sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập trong thời gian tới. Điểm đến phổ biến của sinh viên Việt Nam là các quốc gia như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản, LB Nga...

- Thu hút sinh viên quốc tế đến Việt Nam học tập: Trong những năm qua, số lượng sinh viên quốc tế đến Việt Nam tăng nhanh, tuy nhiên, số lượng này còn khá khiêm tốn trong tương quan so sánh với số lượng sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập.

### **3.2.3. Quốc tế hóa chương trình và giảng dạy**

Tại Việt Nam, quốc tế hóa chương trình và giảng dạy là một khía cạnh quan trọng của hoạt động quốc tế hóa tại nhà (hay quốc tế hóa trong nước). Động lực thúc đẩy các hoạt động quốc tế hóa chương trình giảng dạy là do nhu cầu mạnh mẽ về nguồn nhân lực trình độ cao, có khả năng ngoại

ngữ, kỹ năng quốc tế ở trong nước, do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức toàn cầu cùng với sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, do mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của giáo dục đại học của Việt Nam, thu hút sinh viên quốc tế đến học tập, nâng cao thứ hạng quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học trong nước, từ đó nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai yếu tố quan trọng của chương trình giảng dạy được quốc tế hóa là việc tăng cường năng lực ngoại ngữ và đổi mới khung chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học.

Rất nhiều chủ chương, chính sách và kế hoạch triển khai cụ thể đã được Chính phủ ban hành như: đề án Ngoại ngữ quốc gia năm 2020, Chương trình tiên tiến, Chương trình chất lượng cao, chương trình kỹ sư tài năng PFIEV.

#### **3.2.4. Hợp tác giáo dục xuyên quốc gia/ các chương trình liên kết đào tạo quốc tế**

Xu hướng hợp tác và liên kết quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức như 3+1, 2+2... Đến 7/2020, theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam đã có hơn 70 cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình giáo dục quốc tế, xây dựng hơn 600 chương trình liên kết đào tạo với hơn 30 quốc gia trên thế giới được Bộ phê duyệt. Về hình thức liên kết, các cơ sở giáo dục Việt Nam đã có sự tham gia tích cực vào rất nhiều khâu từ thiết kế chương trình, tổ chức giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi giảng viên, sinh viên...

Xu hướng hợp tác và liên kết quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài nước đã bước đầu mạnh mẽ triển khai. Có thể kể đến chương trình hợp tác Chính phủ hai bên hỗ trợ giảng viên, tài liệu cho Đại học Quốc gia Viêng Chăn (Lào); Dự án phát triển Khoa tiếng Việt, Trường Ngôn Ngữ thuộc Đại học Quốc gia Lào. Dự án hợp tác liên kết đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm và Quản trị Kinh doanh của trường Đại học FPT tại trường Cao đẳng Sengsavath Lào. Hoặc kế hoạch xúc tiến hợp tác liên kết đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Đại học Youngsan, Trường Đại học Chungwoon và Trường Đại học Ngoại ngữ Busan, Hàn Quốc theo hình thức 2+2.

Các chương trình triển khai sẽ gia tăng số sinh viên quốc tế đến Việt Nam học tập, đào tạo thêm các chuyên gia am hiểu về đất nước, con người Việt Nam, từ đó giúp ích cho quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế giữa Việt Nam và các nước.

#### **3.2.5. Phát triển các trường đại học xuất sắc**

Xây dựng các trường đại học xuất sắc là một dự án đầy tham vọng của Chính phủ Việt Nam được khởi động từ năm 2006. Mục đích chính của dự án là thành lập các trường đại học hoặc nâng cấp các tổ chức hiện có để trở thành các trường đại học nghiên cứu cung cấp giáo dục và nghiên cứu theo tiêu chuẩn toàn cầu với sự hỗ trợ học thuật từ các quốc gia phát triển.

Sự ra đời của các trường Đại học Việt - Đức (VGU) năm 2008, Việt - Pháp (USSH) năm 2009, Việt - Nga năm 2013, Việt - Nhật (JVU) năm 2014 là những kết quả hợp tác tốt đẹp giữa Chính phủ Việt Nam với CHLB Đức, CH Pháp, CHLB Nga và Nhật Bản. Bên cạnh các dự án liên kết của Chính phủ, còn hình thành các hình thức Trường Đại học tư nhân, trường đại học nước ngoài đặt trụ sở tại Việt Nam hoặc trường Đại học Việt Nam có vốn đầu tư của nước ngoài ví dụ như Trường Đại học RMIT, Đại học Anh quốc Vietnam, Đại học Fulbright Vietnam, Đại học Hoa Kỳ Vietnam, Greenwich Việt Nam, Swinburne Việt Nam, Đại học Latrobe...

Tuy nhiên, kết quả sau nhiều năm thực hiện, đến nay số lượng các trường còn khá ít ỏi.

### **3.2.6. Quốc tế hóa nghiên cứu**

Đối với nền giáo dục đại học Việt Nam, nghiên cứu khoa học được xác định là một hoạt động không thể thiếu song song với hoạt động đào tạo và do đó quá trình quốc tế hóa nghiên cứu, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học cũng đặc biệt được chú trọng. Trong vòng 20 năm qua, quy mô hợp tác trong nghiên cứu giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với các đối tác nước ngoài tăng không ngừng, hình thức hợp tác đa dạng, nội dung phong phú... phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua đó, giúp nâng cao năng suất và chất lượng, hướng tới phát triển bền vững.

## **CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM**

### **4.1. Đánh giá quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam (2001 - 2020)**

Ở Việt Nam, hợp tác quốc tế là một trong những yếu tố ngày càng mở rộng của quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Hiện nay, giáo dục đại học của Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể trong hợp tác quốc tế và cộng tác với các nước trên thế giới. Ở cấp quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã ký các nghị định thư, biên bản thỏa thuận với nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Nga, Australia... Ở cấp độ thể chế, sự hợp tác và cộng tác quốc tế, đặc biệt là quan hệ đối tác song phương giữa các cơ sở giáo dục đại học đã được nhận rộng ở cả các cơ sở giáo dục đại học công lập và tư nhân.

Quốc tế hóa giáo dục đại học ban đầu được hình thành trên cơ sở trao đổi và chia sẻ các ý tưởng, văn hóa, kiến thức và giá trị. Các mối quan hệ học thuật chính thức giữa các quốc gia thường được thể hiện trong các thỏa thuận văn hóa và khoa học song phương. Ngày nay, các hiệp định thường phải tính đến các yếu tố thương mại, kinh tế và chính trị, thể hiện một sự thay đổi đáng kể so với ý tưởng ban đầu về trao đổi học thuật.

#### **4.1.1. Đánh giá một số thành tựu của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020**

Thứ nhất, trong giai đoạn 2001 – 2020, việc triển khai tích cực các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học đã góp phần đào tạo và cung cấp lực lượng quan trọng góp cho quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam. Những nỗ lực quốc tế hoá giáo dục đại học nói riêng và giáo dục đại học của Việt Nam nói chung đã có những thay đổi lớn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

Bên cạnh đó, nền giáo dục đại học Việt Nam cũng từng bước dịch chuyển theo hướng vận hành trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007. Thực hiện các cam kết trong Hiệp định GATS, Việt Nam đã từng bước mở cửa thị trường dịch vụ giáo dục đại học với nhiều hình thức đa dạng như xây dựng chi nhánh quốc tế tại Việt Nam, liên kết đào tạo, chương trình giáo dục trực tuyến từ xa...

Thứ hai, chất lượng của giáo dục đại học trong nước được cải thiện, thể hiện ở: Việt Nam đã ban hành được khung trình độ quốc gia, phát triển và khai thác tốt các hoạt động hợp tác xuyên biên giới góp phần mang lại yếu tố quốc tế cho một bộ phận trong các trường đại học, số lượng các cơ sở giáo dục đại học được ghi tên trên bảng xếp hạng quốc tế, nội lực nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam được cải thiện, từ đó thu hút số lượng sinh viên quốc tế đến Việt Nam tăng qua các năm...

Thứ ba, các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam trong 20 năm đầu thế kỷ XXI đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình tiếp biến văn hoá. Một mặt, các khía cạnh quốc tế/ liên văn hóa khác của chương trình giảng dạy đang gia tăng mạnh mẽ trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Mặt

khác, văn hoá Việt Nam cũng đã được lan toả đến nhiều quốc gia trên thế giới thông qua số lượng du học sinh ngày một tăng.

Thứ tư, quốc tế hoá giáo dục đại học góp phần củng cố mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới trên, thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trên cả bình diện song phương và đa phương. Những hoạt động hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học nói riêng và các lĩnh vực văn hóa – xã hội khác nói chung của Việt Nam với các tổ chức đã và đang khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, triển khai đồng bộ và phối hợp hiệu quả giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, giữ ngoại giao song phương và ngoại giao đa phương.

#### **4.1.2. Những hạn chế còn tồn tại**

Song song với những kết quả đã đạt được, những cơ hội mà quá trình này mang lại, với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, quá trình triển khai các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế:

Thứ nhất, chưa có chính sách quốc gia về quốc tế hoá giáo dục đại học trong đó có khái niệm và chiến lược rõ ràng và các kế hoạch, hành động cụ thể để hướng dẫn và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học thực hiện quốc tế hoá.

Thứ hai, tính bền vững của quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học chưa cao. Thiếu một cách tiếp cận thể chế toàn diện, công bằng và bền vững để áp dụng và tối đa hóa các lợi ích tiềm năng của quá trình quốc tế hóa. Thiếu một khuôn khổ pháp lý minh bạch và nhất quán để đảm bảo chất lượng, công nhận các chương trình, đối tác xuyên quốc gia

Thứ ba, hạn chế về tiềm lực cơ sở vật chất, thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn và kỹ năng phù hợp, thiếu sự tham gia và cam kết của các bên liên quan và trình độ phát triển của giáo dục đại học trong nước.

Thứ tư, hạn chế về nguồn lực tài chính hạn hẹp.

Thứ năm, tình trạng bất bình đẳng trong sự phát triển của quốc gia, khi mà các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam trong thời gian qua dường như mới tập trung ở một đối tượng nhỏ được hưởng lợi.

Thứ sáu, thiếu sự tham gia và liên kết giữa các bên liên quan trong hoạt động quốc tế hóa.

#### **4.1.3. Những khó khăn, thách thức**

Thách thức thứ nhất đó là vấn đề chảy máu chất xám và chảy máu nguồn vốn. Đây là thách thức chung đặt ra với tất cả các quốc gia đang phát triển nói chung, khi dòng dịch chuyển sinh viên quốc tế vẫn có xu hướng từ các quốc gia đang phát triển sang các nước phát triển.

Thứ hai, thách thức của quá trình toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường. Với sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng của quá trình này, nếu như Việt Nam không định hình được chiến lược phát triển quốc tế hóa giáo dục đại học tổng thể, có thể đáp ứng những thay đổi nhanh chóng của thời đại thì sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng các cơ sở giáo dục đại học bị cuốn vào vòng xoáy của thị trường giáo dục toàn cầu, với những mục tiêu lợi nhuận đặt cao hơn là chất lượng đào tạo, hay mục đích chính trị của quốc gia.

Thứ ba, thách thức về an ninh, chính trị quốc gia. Đặc biệt, đối với sinh viên và đội ngũ tri thức, các thế lực thù địch luôn tìm cách móc nối, lôi kéo du học sinh, nghiên cứu sinh đang học tập, công tác ở nước ngoài để tuyên truyền phản động, chống phá lại Đảng và Nhà nước Việt Nam, gây ảnh hưởng đến vị thế uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ tư, thách thức từ những vấn đề quốc tế mới, tương tự như ảnh hưởng của đại dịch Covid.



Thứ năm, những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng trong bối cảnh nhu cầu về hợp tác đào tạo quốc tế sẽ tăng lên về quy mô và ngày càng trở nên càng phức tạp, đa dạng về phương thức.

Thứ sáu, những thách thức trong qua trình hội nhập với các nước trong bối cảnh Việt Nam còn ít (hoặc chưa có) những hiệp định song phương và đa phương về công nhận văn bằng, chuyển đổi tín chỉ giáo dục.

#### **4.2. Một số khuyến nghị**

*Ở cấp độ Nhà nước*, về chính sách, để giúp các thể chế xác định các chiến lược quốc tế hóa hiệu quả, các chính sách quốc gia và các mục tiêu quốc tế hoá cụ thể cần đạt được sự phù hợp trong một khuôn khổ chính sách toàn diện. Việc xây dựng một chiến lược, một chính sách toàn diện về quốc tế hóa ở cả cấp độ thể chế, quốc gia và khu vực là điều không thể thiếu để có thể hướng dẫn, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện, đảm bảo rằng các hoạt động được thực hiện phù hợp với nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan. Quan trọng hơn, chiến lược đó cần được liên kết với chính sách đối ngoại đa phương đa dạng hóa, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ để một mặt vừa tập trung phát triển nguồn lực con người, mặt khác có thể khai thác những tiềm năng có thể của quá trình này cho sự phát triển tổng thể kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của quốc gia, nâng cao uy tín của nền giáo dục đại học Việt Nam nói riêng và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế nói chung.

Cần xác định rõ mục tiêu của các chương trình quốc tế hóa giáo dục đại học không chỉ phục vụ cho phát triển nguồn lực trong nước mà còn để phục vụ các mục tiêu khu vực và toàn cầu.

Cần có phương án đảm bảo chất lượng (nội bộ và bên ngoài). Cần được ưu tiên để đảm bảo chất lượng giáo dục đặc biệt trong các trường hợp tiếp nhận hoặc chuyển giao quốc tế. Đây là trách nhiệm chung của các chính phủ và các tổ chức. Kết hợp các mục tiêu quốc tế hóa vào các quy trình đảm bảo chất lượng rộng hơn của tổ chức trong giảng dạy, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ giáo dục đại học.

Quốc tế hóa bền vững thông qua đa dạng hóa các hoạt động hợp tác hoặc đối tác quốc tế hóa có thể mang lại những lợi ích chiến lược và được thúc đẩy thông qua các mối quan hệ quốc tế giữa của chính phủ.

Tăng cường ngân sách đầu tư cho các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học. Nguồn vốn là rất quan trọng đối với quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học và cần phải phù hợp với chiến lược quốc gia. Cần có cơ chế tăng cường và phân bổ hợp lý kinh phí cho các hoạt động quốc tế này.

Tăng cường truyền thông về các cơ hội và hoạt động quốc tế hóa, trong những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã xây dựng cổng thông tin quảng bá tuyển sinh, tiếp nhận sinh viên quốc tế, triển khai đến các cơ sở giáo dục đại học.

Cần linh hoạt trong các hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học đặc biệt trong và sau đại dịch Covid 19 hoặc các vấn đề quốc tế tương tự xảy ra.

*Ở cấp độ cơ sở giáo dục đại học*, khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ và toàn diện hơn vào quá trình quốc tế hóa từ các cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cũng cần đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu học thuật để, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông, chất lượng của hệ thống đảm bảo cũng cần được củng cố và nâng cao để kiểm soát chất lượng của hệ thống cả bên trong và bên ngoài.

## KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu phát hiện ra rằng quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn 2001 – 2020 mới ở giai đoạn đầu phát triển, với nhiều rủi ro, đầy mâu thuẫn và thách thức. Quốc tế hoá có ý nghĩa quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nước, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy các quan hệ đối tác quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu, hội nhập của thế giới, 20 năm đầu thế kỷ 21, quốc tế hoá giáo dục đại học đã và đang trở thành xu thế mà Việt Nam hướng tới. Chính phủ Việt Nam đặc biệt chú trọng thúc đẩy quốc tế hoá giáo dục đại học như một quá trình tổng thể nhằm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, phát triển nền kinh tế, xã hội của đất nước.

Thứ nhất, quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam có thể hiểu là quá trình mà ở đó, khía cạnh quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu được tích hợp vào mục đích, chức năng và việc cung cấp giáo dục đại học ở cấp độ thể chế và quốc gia. Với 6 đặc trưng cơ bản: (1) Hoạt động hợp tác quốc tế, ... (2) Hoạt động dịch chuyển, trao đổi sinh viên, giảng viên, (3) Hoạt động quốc tế hóa chương trình và giảng dạy, (4) Hoạt động hợp tác giáo dục xuyên quốc gia/ các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Nó bao gồm một số hình thức như xây dựng các chi nhánh, các cơ sở tại nước ngoài, hoặc các chương trình liên kết đào tạo... (5) Phát triển các trường đại học xuất sắc, (6) Hoạt động quốc tế hóa nghiên cứu, bao gồm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu.

Thứ hai, trong giai đoạn 2001-2020, xét về tổng thể Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong công tác quốc tế hoá giáo dục đại học. Đó là sự phát triển và gia tăng không ngừng của số lượng các chương trình hợp tác giáo dục ở tất cả các cấp bậc từ song phương, đa phương hay ở khu vực. Những thành công này đã góp phần không nhỏ trong việc củng cố mối quan hệ hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế; Đó là sự gia tăng vượt bậc về số lượng chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên trong và ngoài nước. Với chiến lược, mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, các hoạt động trao đổi sinh viên ra nước ngoài đang chủ yếu tập trung vào các quốc gia phát triển thuộc Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc. Ngược lại, Việt Nam cũng đang ưu tiên chính sách để thu hút nhiều hơn nữa sinh viên quốc tế đến học tập, đặc biệt là từ các quốc gia láng giềng trong khu vực như từ Lào, Campuchia, Trung Quốc; Đó là sự phát triển nở rộ của các chương trình liên kết quốc tế, chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao... Tất cả các hoạt động này đều nằm trong nỗ lực quốc tế hoá và nâng cao chất lượng chương trình giảng dạy đại học của Việt Nam; Trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước, Việt Nam đã xây dựng được một số trường đại học quốc tế trong nước như Đại học Việt - Nhật, Đại học Việt - Đức, Đại học Việt - Pháp... Những cơ sở giáo dục đại học đẳng cấp và tiêu chuẩn quốc tế đặt tại Việt Nam là tiền đề quan trọng để Việt Nam có thể tận dụng, thúc đẩy quá trình quốc tế hoá trong nước, tiết kiệm chi phí đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời thu hút sinh viên quốc tế đến học tập; Nỗ lực cuối cùng được Việt Nam thúc đẩy đó là quốc tế hoá hoạt động nghiên cứu khoa học. Thông qua việc phối hợp nghiên cứu, thực hiện dự án chung, xuất bản chung, năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên của nhiều cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, là tiền đề quan trọng để Việt Nam có thể đi tắt, đón đầu và tiếp cận với những tiến bộ của nhân loại, từng bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Thứ ba, với đặc thù nền giáo dục còn nhiều hạn chế, bất cân đối, chưa được thực hiện toàn diện. Còn tồn tại những khoảng cách nhất định so với nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển, hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020 chủ yếu tập trung mục tiêu quốc tế hoá nền giáo dục đại học trong nước như tập trung quốc tế hoá nguồn nhân lực, quốc tế

hoá sinh viên, quốc tế hoá tổ chức, quốc tế hoá chương trình học, quốc tế hoá hình thức đào tạo, quốc tế hoá chương trình giảng dạy... hơn là các chương trình hợp tác xuyên biên giới bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do đó, những chương trình hợp tác giáo dục đại học Việt Nam ra bên ngoài mới bước đầu được mạnh mẽ phát triển và còn rất nhiều tiềm năng trong tương lai, đặc biệt đối với các quốc gia trong khu vực ASEAN.

Các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học của Việt Nam còn nhiều sự bất cân đối. Ví dụ sự bất cân đối giữa số lượng sinh viên ra nước ngoài và số lượng sinh viên nước ngoài đến Việt Nam. Sự bất cân đối giữa các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo qua lại giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước với các đối tác nước ngoài. Sự mất cân đối về trình độ giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với các đối tác nước ngoài... Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ cho Việt Nam để đẩy mạnh hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học trong những giai đoạn tiếp theo. Bài toán đặt ra là việc lựa chọn những đối tác phù hợp cho từng hoạt động, từng chương trình, từng mục tiêu để có thể vừa góp phần nâng cao chất lượng nền giáo dục đại học trong nước, vừa hạn chế tối đa những rủi ro, thách thức mà quá trình này mang lại, vừa mang lại những vị thế cho Việt Nam trên trường quốc tế.

Các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học Việt Nam còn chưa được thực hiện toàn diện. Điều này thể hiện ở số lượng nhỏ đối tượng được hưởng lợi từ các hoạt động quốc tế hoá giáo dục đại học trong 20 năm đầu thế kỷ 21. Vấn đề đặt ra cho giai đoạn tiếp theo đó là cần tăng cường nhận thức, khắc phục những hạn chế về hạn chế năng lực ngoại ngữ, kinh phí, cơ sở vật chất để có thể thực hiện quốc tế hoá giáo dục đại học đa dạng, toàn diện hơn, thực sự tạo ra một môi trường học tập quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước.

Thứ tư, song song với những kết quả đáng khích lệ, quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với rất nhiều rủi ro, thách thức bao gồm nguy cơ chảy máu chất xám, những bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học, nguy cơ mất bản sắc dân tộc, thương mại hoá chương trình đào tạo kém chất lượng, nguy cơ đe dọa chính trị, phụ thuộc vào chiến lược mở rộng tầm ảnh hưởng của các nước lớn thông qua giáo dục... Do đó, khi thực hiện các hoạt động này, luôn cần đặt song hành lợi ích và rủi ro để có những lựa chọn phù hợp nhất, tối ưu nhất cho sự phát triển của quốc gia.

Thứ năm, thông qua nghiên cứu này cho thấy rằng Việt Nam hiện mới ở giai đoạn đầu của quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học, đặc trưng bởi những kết quả còn chưa tương xứng với tiềm năng. Những khó khăn mà nền giáo dục đang phải đối mặt là kết quả của khoảng cách và sự thiếu nhất quán giữa mục tiêu và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam. Việc thiếu những thông tin đầy đủ, khái niệm chung về quốc tế hoá, thiếu chiến lược, chính sách tổng thể, toàn diện, thiếu nguồn lực tài chính, thiếu nguồn nhân lực, vật lực, thiếu sự thống nhất giữa các đơn vị trong triển khai, thiếu cơ chế quản lý, đảm bảo chất lượng các hoạt động hợp tác giáo dục xuyên biên giới là một thách thức lớn cản trở việc thực hiện các sáng kiến về quốc tế hoá giáo dục đại học tại nhiều cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.

Cuối cùng, trong bối cảnh toàn cầu hoá, thế giới ngày càng phẳng hoá, sự phát triển và tác động mạnh mẽ của internet, cuộc cách mạng công nghệ thông tin, các hoạt động quốc tế hoá của Việt Nam chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ sau khi đất nước mở cửa, hội nhập, đa phương, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại với các quốc gia trên thế giới. Những mối quan hệ chính trị, ngoại giao, hợp tác toàn diện của Việt Nam với các nước trên cả bình diện đa phương, khu vực, song phương hoặc cấp địa phương chính là tiền đề quan trọng để thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học. Và ngược lại, quốc tế hoá giáo dục đại học cũng tác động trở lại đối với chính trị ngoại giao, khẳng định vai trò quan trọng

của nó không chỉ đối với sự nghiệp giáo dục nói riêng mà đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá – xã hội và chính trị. Do vậy, dưới góc nhìn luận án, có thể thấy quá trình quốc tế hoá giáo dục đại học cũng có thể được coi là một biểu hiện quan trọng trong hợp tác quốc tế của Việt Nam.

Vì những đặc điểm nêu trên, quốc tế hoá giáo dục chắc hẳn sẽ là xu hướng phát triển tất yếu và mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo. Vấn đề đặt ra, Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và thúc đẩy quá trình này để có thể thu phát huy được tối đa vai trò của các hoạt động này đối với sự phát triển của đất nước.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), “A Philosophical Evaluation of the Internationalization of Higher Education: A Case Study on the Public Universities in Vietnam”, *Xlinguae European Scientific Language Journal* Vol 13 (3), pp. 114-133. DOI: 10.18355/XL.2020.13.03.10.
2. Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), “Coping with impacts of Covid-19 Pandemic: Experience of Vietnam’s Education system”, *International Journal on Global Business Management and Research* Vol 9 (2), pp. 119-127.
3. Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), “Vietnam and ASEAN Countries: Similarities and Possibilities of Education Cooperation”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Higher Education in Vietnam and Asia: Similarities and Possibilities of Cooperation (IHESP)”*, NXB Khoa học Xã hội, pp.565-581.
4. Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), “Challenges of globalization and industrial revolution for Vietnam higher education: How to improve teacher competencies for education 4.0 in the 21st century?”, *Kỷ yếu của Hội thảo quốc tế ICTER3*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, pp. 357-362.
5. Nguyễn Thị Huyền Trang (2021), “Triển vọng đào tạo Hàn Quốc học phục vụ hoạt động đào tạo của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Thái Nguyên”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* 7 (1b), Trường ĐH KHXH&NV, ĐH QGHN, tr. 50-64.
6. Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), “Hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc: 30 năm nhìn lại”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ* (227), tr. 210-218.